

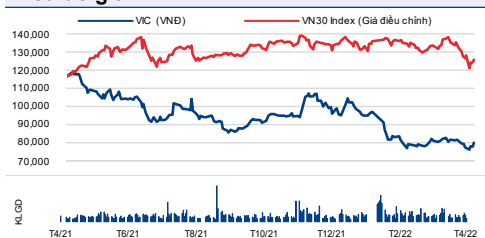
Nắm giữ

Giá mục tiêu: VNĐ83,200
Tiềm năng tăng/giảm: 4.0%

Giá cổ phiếu (đồng) (29/4/2022)	80,000
Mã Bloomberg	VIC VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	76,200-118,844
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	78,020
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	252,437
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	10,993
Slg CP lưu hành (tr.đv)	3,155
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	1,546
Slg CP NN được mua (tr.đv)	982
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	17.9%
Tỷ lệ freefloat	27.4%
Cổ đông lớn	tịch, người liên quan (66.5%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-21A	12-22F	12-23F
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	125,688	152,057	176,175
EBITDA đc (tỷ đồng)	30,198	40,241	45,403
LN TT (tỷ đồng)	2,861	12,024	15,823
LNT ĐC (tỷ đồng)	3,050	926	2,383
FCF (tỷ đồng)	(51,046)	(23,689)	4,351
EPS ĐC (đồng)	778	240	619
DPS (đồng)	-	-	-
BVPS (đồng)	26,219	26,940	27,573
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	22.9	33.3	12.8
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(195)	117	157
Tăng trưởng DPS (%)	-	-	-
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	24.0	26.5	25.8
Tỷ suất LN TT (%)	2.28	7.91	8.98
Tỷ suất LNT ĐC (%)	(4.24)	0.61	1.35
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	-	-	-
Nợ thuần/VCSH (%)	125	141	142
ROAE (%)	(5.93)	0.92	2.32
ROACE (%)	5.71	8.86	9.69
EV/doanh thu (lần)	3.26	2.75	2.35
EV/EBITDA ĐC (lần)	13.6	10.4	9.13
P/E ĐC (lần)	103	333	129
P/B (lần)	3.05	2.97	2.90
Lợi suất cổ tức (%)	-	-	-

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

VIC là công ty tư nhân lớn nhất VN, nhà phát triển khu dân cư & thương mại số 1. Công ty cũng sản xuất ô tô, xe máy điện & thiết bị điện tử thông minh cũng như cung cấp các dịch vụ giáo dục, khách sạn và y tế.

Chuyên viên phân tích

Hồ Thị Kiều Trang, CFA
Trưởng Phòng, Ngành Bất Động Sản
trang.htk@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 129

KQKD Q1/2022 vượt kỳ vọng nhờ lợi nhuận tài chính

- KQKD Q1/2022 của VIC vượt kỳ vọng chủ yếu nhờ các khoản lợi nhuận tài chính cao hơn dự báo từ bán cổ phần công ty con. Doanh thu Q1/2022 bằng 12% và lợi nhuận bằng 265% dự báo của HSC cho cả năm 2022.
- KQKD các mảng sát kỳ vọng nhưng chi phí bán hàng & quản lý cao hơn dự báo, chủ yếu vì chi phí từ thiện liên quan đến dịch Covid-19.
- HSC duy trì khuyến nghị Nắm giữ, giá mục tiêu 83.200đ và dự báo. Thị giá VIC đang chiết khấu 23,1% so với RNAV, cao hơn mức chiết khấu bình quân 21,5% trong 2 năm qua.

Sự kiện: Công bố KQKD Q1/2022 và tổ chức hội nghị NĐT

VIC đã công bố BCTC Q1/2022 với lợi nhuận thuần đạt 2.454 tỷ đồng, tăng 17,2% so với cùng kỳ và doanh thu đạt 18.239 tỷ đồng, giảm 21,7% so với cùng kỳ. Kết quả Q1/2022 lần lượt bằng 265% và 12% dự báo lợi nhuận thuần và doanh thu của HSC cho cả năm 2022. KQKD từng mảng sát kỳ vọng nhưng lợi nhuận thuần hợp nhất cao hơn kỳ vọng chủ yếu nhờ lãi tài chính không thường xuyên ghi nhận trong kỳ.

KQKD các mảng nói chung sát kỳ vọng

Mảng BĐS; doanh thu BĐS Q1/2022 đạt 6.685 tỷ đồng (giảm 37,3% so với cùng kỳ), chủ yếu từ 3 dự án lớn: Vinhomes Ocean Park (2,6 nghìn tỷ đồng), Vinhomes Smart City (1,7 nghìn tỷ đồng) và Vinhomes Grand Park (1,3 nghìn tỷ đồng).

Doanh thu thấp hơn kỳ vọng vì sự thay đổi ở chính sách hạch toán. VHM (VIC nắm 69,3% cổ phần) đã ghi nhận một giao dịch bán sỉ tại dự án Vinhomes Grand Park với khoản lãi 3,2 nghìn tỷ đồng trong Q1/2022. Khoản lãi này được ghi nhận vào doanh thu HĐ tài chính (doanh thu ước tính khoảng 5 nghìn tỷ đồng) trong khi HSC dự báo giao dịch này sẽ được hạch toán vào doanh thu và giá vốn hàng bán. Tác động của việc hạch toán lên ước tính lợi nhuận thuần là ko đáng kể.

Tỷ suất lợi nhuận gộp đạt 51,3%; nói chung sát dự báo. Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng tham khảo Báo cáo nhanh về KQKD Q1/2022 của VHM phát hành ngày 4/5/2022.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 4/5

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q1/2022, VIC

Tỷ đồng	Q1/21	Q1/22	% y/y	Dự báo 2020 của HSC	% hoàn thành dự báo
DTT	23,294	18,229	-21.7%	152,057	12.0%
LN gộp	3,285	205	-93.8%		
Thu nhập tài chính	7,129	10,738	50.6%		
Chi phí tài chính	2,770	2,787	0.6%		
Chi phí bán hàng	1,694	1,735	2.4%		
Chi phí quản lý	3,136	4,590	46.4%		
Lợi nhuận HĐ	2,807	1,827	-34.9%		
Thu nhập thuần khác	(21)	101	-575.5%		
LN TT	2,786	1,928	-30.8%		
LN ST	868	512	-41.0%		
Lợi nhuận thuần	2,094	2,454	17.2%	926	265%

Nguồn: VIC, HSC ước tính

Mảng cho thuê mặt bằng bán lẻ: Doanh thu Q1/2022 tăng 43,8% so với quý trước lên 1.471 tỷ đồng nhưng vẫn thấp hơn 22% so với cùng kỳ. Trong kỳ, VRE (VIC nắm 60,3%) đã cung cấp các gói hỗ trợ tài chính dành cho khách hàng thuê với giá trị 464 tỷ đồng (so với 250 tỷ đồng trong Q1/2021), cao hơn một chút so với kỳ vọng và bằng 50% dự báo của HSC cho cả năm 2022.

LNTT mảng này đạt 597 tỷ đồng, giảm đáng kể 39,1% so với cùng kỳ và thấp hơn một chút kỳ vọng của chúng tôi. Để biết thêm chi tiết, vui lòng tham khảo Báo cáo nhanh về VRE phát hành ngày 4/5

Mảng khách sạn: Doanh thu Q1/2022 hồi phục mạnh mẽ, tăng 88,4% so với quý trước và tăng 44,7% so với cùng kỳ đạt 1.349 tỷ đồng. Khách nội địa đến các trung tâm du lịch lớn như Nha Trang và Phú Quốc đã tăng đáng kể. Theo Công ty, số lượng đêm phòng bán được của Vinpearl đã tăng 30% so với quý trước và tăng 23% so với cùng kỳ. HSC kỳ vọng đà hồi phục sẽ tiếp diễn trong những quý tới khi hoạt động vui chơi giải trí sẽ dần quay trở lại mức trước dịch Covid-19.

Mảng sản xuất: Mảng này (gồm xe ô tô Vinfast và xe máy điện) đạt doanh thu 3,3 nghìn tỷ đồng (giảm 30,9% so với cùng kỳ) vì số lượng xe bàn giao trong Q1/2022 giảm. Theo Công ty, số xe bàn giao chịu tác động tiêu cực tại một số tỉnh thành vì một số showroom vẫn chịu ảnh hưởng tiêu cực từ dịch COVID. Mảng này ghi nhận lỗ thuần HĐKD 6 nghìn tỷ đồng, tăng 26% so với cùng kỳ và cao hơn một chút so với dự báo của HSC. Tuy nhiên, chúng tôi kỳ vọng lỗ ở mảng này sẽ giảm trong những quý tới khi Vinfast bắt đầu bàn giao thêm xe ô tô điện.

Mảng giáo dục và y tế: Doanh thu Q1/2022 đạt 1.546 tỷ đồng (tăng nhẹ 3% so với cùng kỳ), đóng góp 8,5% vào tổng doanh thu. Mảng này ghi nhận lỗ 215 tỷ đồng (xấp xỉ so với cùng kỳ). Nói chung, KQKD các mảng này sát với kỳ vọng của chúng tôi.

Chi phí bán hàng & quản lý cao hơn kỳ vọng

VIC ghi nhận lợi nhuận tài chính là 7,95 nghìn tỷ đồng trong Q1/2022, tăng 82,4% so với cùng kỳ. Doanh thu HĐ tài chính trong kỳ đạt 10,7 nghìn tỷ đồng, tăng 50,6% so với cùng kỳ. Theo công ty, doanh thu HĐ tài chính gồm lãi từ giao dịch bán sỉ tại dự án Vinhomes Grand Park (3,2 nghìn tỷ đồng), bán cổ phần tại các công ty con sở hữu một số dự án BDS (tên công ty con và số liệu giao dịch không được công bố) và bán cổ phần thiểu số tại One Mount (lãi 3 nghìn tỷ đồng). Các khoản lãi được ghi nhận cao hơn kỳ vọng và là động lực chính đằng sau KQKD Q1/2022.

Chi phí bán hàng & quản lý Q1/2022 tăng đáng kể 30,9% so với cùng kỳ lên 6,3 nghìn tỷ đồng, cao hơn kỳ vọng của HSC. Công ty cho biết đã tiếp tục chi 800 tỷ đồng tài trợ và làm từ thiện liên quan đến dịch Covid-19 trong khi chúng tôi dự báo không còn chi phí này trong năm 2022. Tỷ lệ chi phí bán hàng & quản lý/doanh thu tăng lên 34,7% từ 20,7% trong Q1/2021.

LNTT Q1/2022 của Vingroup đạt 1,9 nghìn tỷ đồng (giảm 20,8% so với cùng kỳ) trong khi thuế TNDN là 73,4%. Thuế TNDN cao phản ánh lỗ tại một số công ty con không được khấu trừ vào thuế ở những công ty con có lãi và lợi nhuận tài chính.

Lợi nhuận thuần đạt 2,45 nghìn tỷ đồng, tăng 17,2% so với cùng kỳ; cao hơn dự báo của HSC, chủ yếu vì lãi tài chính lớn hơn.

Bảng CĐKT: Tỷ lệ vay nợ tiếp tục tăng

Tại thời điểm cuối Q1/2022, vay nợ thuần của VIC tăng đáng kể 23,6% so với quý trước lên 130,1 nghìn tỷ đồng. Điều này phản ánh nhu cầu vốn để tài trợ cho 2 mảng đang kinh doanh lỗ là khách sạn và sản xuất. Tỷ lệ nợ thuần/vốn CSH tăng lên 0,97 lần từ 0,66 lần tại thời điểm cuối Q4/2021.

Vay nợ tăng một phần vì vốn CSH giảm 15,4% còn 134 nghìn tỷ đồng tại thời điểm cuối Q1/2022. Điều này là do Vingroup và Vietnam Investment Group chuyển nhượng cổ phần VinFast Việt Nam sang cho VinFast Singapore để tạo điều kiện cho công tác huy động vốn. Vốn CSH sẽ tăng trở lại sau khi việc gọi

vốn hoàn tất và các cổ đông cam kết toàn bộ vốn góp sẽ được chuyển về cho VinFast Việt Nam.

Tuy nhiên, HSC cho rằng tỷ lệ vay nợ nói chung vẫn ở mức rất cao và cần được theo dõi chặt.

Duy trì khuyến nghị Nắm giữ và giá mục tiêu 83.200đ

HSC duy trì khuyến nghị Nắm giữ, giá mục tiêu dựa trên phương pháp SOTP 83.200đ và dự báo cho VIC.

Hiện thị giá cổ phiếu VIC đang chiết khấu 23,1% so với RNAV, cao hơn mức chiết khấu bình quân 21,5% trong 2 năm qua.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-20A	12-21A	12-22F	12-23F	12-24F
Doanh thu	110,490	125,688	152,057	176,175	197,154
Lợi nhuận gộp	17,313	34,065	44,543	55,386	69,246
Chi phí BH&QL	(20,657)	(30,944)	(22,572)	(25,953)	(30,078)
Thu nhập khác	19,366	13,028	4,387	0	0
Chi phí khác	(1,516)	(870)	(854)	(1,021)	(1,093)
EBIT	14,506	15,279	25,505	28,412	38,075
Lãi vay thuần	(7,751)	(6,825)	(6,681)	(9,082)	(10,854)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	(265)	(41.7)	(0.70)	16.9	29.3
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	7,435	(5,551)	(6,799)	(3,524)	0
LNTT	13,925	2,861	12,024	15,823	27,250
Chi phí thuế TNDN	(9,397)	(10,705)	(8,680)	(9,666)	(10,888)
Lợi ích cổ đông thiểu số	919	2,514	(2,417)	(3,774)	(4,574)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	5,447	(5,330)	926	2,383	11,788
Lợi nhuận thuần ĐC	(2,369)	3,050	926	2,383	11,788
EBITDA ĐC	24,569	30,198	40,241	45,403	55,900
EPS (đồng)	1,496	(1,416)	246	633	3,132
EPS ĐC (đồng)	(651)	778	240	619	3,060
DPS (đồng)	-	-	-	-	-
Slg CP bình quân (triệu đv)	3,640	3,764	3,764	3,764	3,764
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	3,709	3,832	3,764	3,764	3,764
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	3,709	3,852	3,852	3,852	3,852

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-20A	12-21A	12-22F	12-23F	12-24F
Tiền & tương đương tiền	29,404	18,352	28,908	42,619	23,250
Đầu tư ngắn hạn	10,414	8,080	2,455	2,455	2,455
Phải thu khách hàng	52,396	72,187	77,776	85,290	90,199
Hàng tồn kho	62,495	50,425	65,752	71,989	142,383
Các tài sản ngắn hạn khác	11,305	12,330	15,231	18,333	19,467
Tổng tài sản ngắn hạn	166,014	161,374	190,122	220,686	277,754
TSCĐ hữu hình	103,813	106,067	96,000	83,975	76,379
TSCĐ vô hình	21,827	24,629	24,176	23,306	18,467
Bất động sản đầu tư	34,726	35,133	38,520	41,687	41,892
Đầu tư dài hạn	4,688	8,937	9,820	10,792	11,861
Đầu tư vào Cty LD,LK	2,725	293	293	310	339
Tài sản dài hạn khác	88,710	91,950	89,224	89,750	90,349
Tổng tài sản dài hạn	256,490	267,010	258,033	249,820	239,287
Tổng cộng tài sản	422,504	428,384	448,155	470,506	517,041
Nợ ngắn hạn	25,972	20,037	34,573	51,157	47,023
Phải trả người bán	18,511	19,648	18,099	18,476	25,283
Nợ ngắn hạn khác	79,657	79,423	69,670	66,933	65,097
Tổng nợ ngắn hạn	169,223	146,445	154,469	177,688	228,414
Nợ dài hạn	98,309	102,011	111,222	104,987	85,205
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	552	1,034	1,034	1,034	1,034
Nợ dài hạn khác	18,191	17,145	16,339	15,549	14,777
Tổng nợ dài hạn	117,052	120,190	128,594	121,569	101,016
Tổng nợ phải trả	286,651	268,813	285,240	301,435	331,607
Vốn chủ sở hữu	79,196	100,474	101,400	103,783	115,571
Lợi ích cổ đông thiểu số	56,657	59,098	61,515	65,289	69,863
Tổng vốn chủ sở hữu	135,853	159,572	162,915	169,072	185,434
Tổng nợ phải trả và VCSH	422,504	428,384	448,155	470,506	517,041
BVPS (đ)	21,355	26,219	26,940	27,573	30,705
Nợ thuần/(tiền mặt)	94,878	103,696	116,887	113,524	108,978

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-20A	12-21A	12-22F	12-23F	12-24F
EBIT	14,506	15,279	25,505	28,412	38,075
Khấu hao	(10,064)	(14,920)	(14,736)	(16,990)	(17,825)
Lãi vay thuần	(7,751)	(6,825)	(6,681)	(9,082)	(10,854)
Thuế TNDN đã nộp	(9,410)	(10,731)	(8,680)	(9,666)	(10,888)
Thay đổi vốn lưu động	14,309	(24,916)	(29,718)	(9,271)	(22,417)
Khác	(2,961)	461	1,480	2,081	2,711
LCT thuần từ HKKD	15,955	(14,206)	(7,475)	15,664	11,838
Đầu tư TS dài hạn	(27,544)	(36,841)	(16,214)	(11,313)	(6,194)
Góp vốn & đầu tư	(21,962)	(4,739)	(882)	(988)	(1,098)
Thanh lý	26,390	16,845	11,380	0	0
Khác	6,903	2,351	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	(16,214)	(22,384)	(5,716)	(12,301)	(7,292)
Cổ tức trả cho CSH	(7.19)	(1,718)	0	0	0
Thu từ phát hành CP	8,932	20,458	0	0	0
Tăng/giảm nợ	2,292	6,933	23,747	10,348	(23,916)
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	11,216	25,672	23,747	10,348	(23,916)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	18,447	29,404	18,352	28,908	42,619
LCT thuần trong kỳ	10,957	(10,918)	10,556	13,711	(19,369)
Ảnh hưởng của tỷ giá	(0.69)	(134)	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	29,404	18,352	28,908	42,619	23,250
Dòng tiền tự do	(11,589)	(51,046)	(23,689)	4,351	5,645

Các chỉ số tài chính	12-20A	12-21A	12-22F	12-23F	12-24F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	15.7	27.1	29.3	31.4	35.1
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	22.2	24.0	26.5	25.8	28.4
Tỷ suất LNT (%)	4.93	(4.24)	0.61	1.35	5.98
Thuế TNDN hiện hành (%)	67.5	374	72.2	61.1	40.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	(15.0)	13.8	21.0	15.9	11.9
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	17.8	22.9	33.3	12.8	23.1
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(456)	229	(69.6)	157	395
Tăng trưởng EPS (%)	(28.5)	(195)	117	157	395
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(452)	220	(69.1)	157	395
Tăng trưởng DPS (%)	-	-	-	-	-
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	-	-	-	-	-
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	7.00	(5.93)	0.92	2.32	10.7
ROACE (%)	6.10	5.71	8.86	9.69	13.1
Vòng quay tài sản (lần)	0.27	0.30	0.35	0.38	0.40
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	1.10	(0.93)	(0.29)	0.55	0.31
Số ngày tồn kho	245	201	223	218	406
Số ngày phải thu	205	288	264	258	257
Số ngày phải trả	72.5	78.3	61.4	55.8	72.1
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	167	125	141	142	167
Nợ/tài sản (%)	38.2	33.6	38.3	40.5	41.7
EBIT/lãi vay (lần)	1.87	2.24	3.82	3.13	3.51
Nợ/EBITDA (lần)	6.58	4.76	4.27	4.19	3.86
Chỉ số TT hiện thời (lần)	0.98	1.10	1.23	1.24	1.22
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	3.54	3.26	2.75	2.35	2.08
EV/EBITDA ĐC (lần)	15.9	13.6	10.4	9.13	7.34
P/E (lần)	53.5	N/a	325	126	25.5
P/E ĐC (lần)	N/a	103	333	129	26.1
P/B (lần)	3.75	3.05	2.97	2.90	2.61
Lợi suất cổ tức (%)	-	-	-	-	-

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn